

Tiêu chuẩn kỹ thuật

Vôi dùng trong hỗn hợp bê tông nhựa

AASHTO M 303-89 (2002)

LỜI NÓI ĐẦU

- Việc dịch ấn phẩm này sang tiếng Việt đã được Hiệp hội Quốc gia về đường bộ và vận tải Hoa kỳ (AASHTO) cấp phép cho Bộ GTVT Việt Nam. Bản dịch này chưa được AASHTO kiểm tra về mức độ chính xác, phù hợp hoặc chấp thuận thông qua. Người sử dụng bản dịch này hiểu và đồng ý rằng AASHTO sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ chuẩn mức hoặc thiệt hại trực tiếp, gián tiếp, ngẫu nhiên, đặc thù phát sinh và pháp lý kèm theo, kể cả trong hợp đồng, trách nhiệm pháp lý, hoặc sai sót dân sự (kể cả sự bất cẩn hoặc các lỗi khác) liên quan tới việc sử dụng bản dịch này theo bất cứ cách nào, dù đã được khuyến cáo về khả năng phát sinh thiệt hại hay không.
- Khi sử dụng ấn phẩm dịch này nếu có bất kỳ nghi vấn hoặc chưa rõ ràng nào thì cần đối chiếu kiểm tra lại so với bản tiêu chuẩn AASHTO gốc tương ứng bằng tiếng Anh.

Formatted: Header

Formatted: Left: 0.79", Right: 0.47", Top: 0.79", Bottom: 0.79", Section start: Odd page, Footer distance from edge: 0.5"

Formatted: Bullets and Numbering

Formatted: French (France)

Formatted: Style1

Formatted: Font: Arial

Formatted: Right: 0"

Formatted: Font: Arial

Formatted: Font: Arial

Formatted: Centered, Position: Horizontal: Left, Relative to: Column, Vertical: In line, Relative to: Margin, Width: Auto, Wrap Around

Formatted: Font: Arial

Formatted: Font: Arial

Formatted: Border: Top: (No border)

Field Code Changed

Formatted: Check spelling and grammar

Formatted: Font: Arial

Field Code Changed

Formatted: Font: Arial

Formatted: Right: 0"

Field Code Changed

Tiêu chuẩn kỹ thuật

Vôi dùng trong hỗn hợp bê tông nhựa

AASHTO M 303-89 (2002)

1 PHẠM VI ÁP DỤNG

1.1 Tiêu chuẩn kỹ thuật này quy định các yêu cầu liên quan đến hai loại vôi được sử dụng để giảm ảnh hưởng của nước trong hỗn hợp bê tông nhựa.

1.1.1 Loại số I - Loại vôi có hàm lượng can xi hydrat cao có chứa thành phần ôxít magiê lớn nhất là 4% khối lượng. Vôi có thành phần hóa học phải đạt yêu cầu khi xác định theo Tiêu chuẩn T 219 (Chú thích 1).

1.1.2 Loại số II - Loại vôi magiê hay vôi đolômít có chứa thành phần ôxít magiê lớn hơn 4%, nhưng không vượt quá 36% khối lượng. Vôi có thành phần hóa học phải đạt yêu cầu khi xác định theo Tiêu chuẩn ASTM C 25 (Chú thích 2).

1.2 Đơn vị SI dùng trong tiêu chuẩn này là đơn vị tiêu chuẩn.

Chú thích 1 - Hàm lượng ôxít magiê có thể xác định theo Tiêu chuẩn ASTM C 25.

Chú thích 2 - Bỏ qua Mục 2, "Lấy mẫu để phân tích".

2 TÀI LIỆU VIỆN DẪN

2.1 Tiêu chuẩn AASHTO:

- T 165, Xác định sự ảnh hưởng của nước đến độ dính bám của hỗn hợp bê tông nhựa đã đầm chặt
T 218, Lấy mẫu vôi tôi
T 219, Thí nghiệm xác định thành phần hóa học và thành phần hạt của vôi
T 283, Xác định sức kháng của bê tông nhựa đã đầm chặt dưới ảnh hưởng của độ ẩm

2.2 Tiêu chuẩn ASTM:

- C 25, Phương pháp thí nghiệm phân tích thành phần hóa học của đá vôi, vôi sống, vôi tôi

3 CÁC GIỚI HẠN VỀ THÀNH PHẦN HÓA HỌC

3.1 Với vôi loại số I và II, khi lấy mẫu và thí nghiệm bằng phương pháp như mô tả ở trên, vôi phải có các chỉ tiêu đạt yêu cầu dưới đây (Xem Bảng 1 và 2).

3.2 Với vôi loại số II, khi thí nghiệm theo Tiêu chuẩn ASTM C 25, vôi phải có các chỉ tiêu đạt yêu cầu được liệt kê trong Bảng 2.

Formatted: Header

Formatted: Font: 14 pt

Formatted: Font: 22 pt

Formatted: Font: 16 pt

Formatted: Heading 1, No bullets or numbering, Border: Top: (No border)

Formatted: Bullets and Numbering

Formatted: English (United States)

Formatted: Heading 2, No bullets or numbering

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: English (United States)

Formatted: Note1

Formatted: English (United States)

Formatted: Heading 1, No bullets or numbering, Border: Top: (No border)

Formatted: Bullets and Numbering

Formatted: Heading 2, No bullets or numbering

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Heading 1, No bullets or numbering, Border: Top: (No border)

Formatted: Heading 2, No bullets or numbering

Formatted: Font: Arial

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Right: 0"

Formatted: Table Headings

Formatted: Font: Arial

Formatted: Font: Arial

Formatted: Centered, Position: Horizontal: Left, Relative to: Column, Vertical: In line, Relative to: Margin, Width: Auto, Wrap Around

Formatted: Font: Arial

Formatted: Font: Arial

Formatted: Border: Top: (No border)

Field Code Changed

Formatted: Check spelling and grammar

Formatted: Font: Arial

Field Code Changed

Formatted: Font: Arial

Bảng 1 - Yêu cầu chỉ tiêu của vôi loại số I và II

Tổng hàm lượng vôi hoạt tính, min. theo khối lượng (% khối lượng Ca(OH) ₂ + % khối lượng Ca(O) ^a)	90
Hàm lượng vôi không thủy hóa, max. % khối lượng CaO	7
Hàm lượng "nước tự do", % khối lượng H ₂ O	3

^a Hàm lượng ôxit canxi không tan (theo khối lượng) cho phép không lớn hơn 7% khi xác định tổng hàm lượng vôi hoạt tính.

Bảng 2 - Yêu cầu chỉ tiêu của vôi loại số II (khi thí nghiệm theo Tiêu chuẩn ASTM C 25)

Hàm lượng ôxit magiê và canxi còn sót lại sau khi nung, min. % ^a	96
Lượng cacbon đioxit, (như cơ bản nhận được), max. %	4
Lượng ôxit canxi không thủy hóa (như cơ bản nhận được), max. %	3

^a Đốt cháy tới khối lượng không đổi bằng lò nung ở nhiệt độ 1000±1100°C (1800±2000°F).

4 YÊU CẦU VẬT LÝ

4.1 Vôi loại số I và II phải có cỡ hạt đạt yêu cầu khi thí nghiệm theo Tiêu chuẩn T 219:

Lượng sót lại trên sàng 600-µm (Số 30), % khối lượng 3

Lượng sót lại trên sàng 75-µm (Số 200), % khối lượng 20

5 ĐÓNG GÓI VÀ GHI KÝ HIỆU SẢN PHẨM

5.1 Khi đóng gói vôi trong túi, tên và nhãn hiệu của nhà sản xuất và loại vôi phải được ghi trên bao bì. Bao phải có trọng lượng danh định là 25 kg (50 lb) và tất cả các bao phải có chất lượng tốt tại thời điểm kiểm tra. Nếu vôi được vận chuyển rời, thông tin của loại vôi và của nhà sản xuất phải được ghi trong hóa đơn vận chuyển.

6 KIỂM TRA

6.1 Dụng cụ phải được cung cấp cho người mua để lấy mẫu và kiểm tra vôi cẩn thận tại nhà máy hay công trường do người mua chỉ định.

7 LOẠI BỎ

7.1 Vôi sẽ bị loại bỏ nếu nó không đạt một trong các yêu cầu của tiêu chuẩn này.

7.2 Trong trường hợp vôi được đóng thành bao, các bao có khối lượng sai khác hơn 5% theo khối lượng yêu cầu sẽ bị loại bỏ. Nếu khối lượng trung bình của bao (được xác định khi cân 50 bao một cách ngẫu nhiên) nhỏ hơn yêu cầu trên, toàn bộ lô hàng đó sẽ bị loại bỏ.

8 PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU VÀ THÍ NGHIỆM

8.1 Lấy mẫu và thí nghiệm vôi theo các tiêu chuẩn của AASHTO và ASTM dưới đây:

Formatted: Justified

Formatted Table

Formatted: Justified

Formatted: Justified

Formatted: Font: 10 pt

Formatted: Note2

Formatted: Justified

Formatted Table

Formatted: Justified

Formatted: Justified

Formatted: Font: 10 pt

Formatted: Note2

Formatted: Heading 1, No bullets or numbering, Border: Top: (No border)

Formatted: Bullets and Numbering

Formatted: English (United States)

Formatted: Heading 2, No bullets or numbering

Formatted: Heading 1, No bullets or numbering, Border: Top: (No border)

Formatted: Bullets and Numbering

Formatted: Heading 2, No bullets or numbering

Formatted: Heading 1, No bullets or numbering, Border: Top: (No border)

Formatted: Heading 2, No bullets or numbering

Formatted: Heading 1, No bullets or numbering, Border: Top: (No border)

Formatted: Heading 2, No bullets or numbering

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Heading 1, No bullets or numbering, Border: Top: (No border)

Formatted: Heading 2, No bullets or numbering

Formatted: Right: 0"

Field Code Changed

- Lấy mẫu - Tiêu chuẩn T 218
- Phân tích thành phần hóa học của vôi loại số I - Tiêu chuẩn T 219
- Phân tích thành phần hóa học của vôi loại số II - Tiêu chuẩn ASTM C 25
- Các chỉ tiêu vật lý - Lượng vôi yêu cầu để làm giảm sự ảnh hưởng của nước có thể xác định từ kết quả thí nghiệm theo Tiêu chuẩn T 165 và T 283.

Tiêu chuẩn kỹ thuật

Vai đing trong hện híp b^a t^{ng} nh^à

AASHTO M 303-89 (2002)

1. PH^U VI

1.1. Tiêu chuẩn kỹ thuật này quy định các yêu cầu liên quan đến hai loại vôi có số đông lượng tinh khiết của n^{ic} trong hện híp b^a t^{ng} nh^à.

1.1.1. Loại số I - Loại vôi có hàm lượng canxi hydrat cao và chứa thành phần «xít magi^a lớn nhất là 4% khối lượng. Vôi có thành phần hóa học phải đạt yêu cầu khi xác định theo tiêu chuẩn T 219 (Chó th^ých 1).

1.1.2. Loại số II - Loại vôi magi^a hay vôi «m^ýt có chứa thành phần «xít magi^a lớn nhất 4%, nh^{ng} kh^{ng} v^{it} qu^á 36% khối lượng. Vôi có thành phần hóa học phải đạt yêu cầu khi xác định theo tiêu chuẩn ASTM C 25 (Chó th^ých 2).

1.2. Số n^g v^l đing trong tiêu chuẩn này là n^g v^l tiêu chuẩn.

Chó th^ých 1 - Hàm lượng «xít magi^a cá th^o xác định theo tiêu chuẩn ASTM C 25.

Chó th^ých 2 - Bá qua M^ôc 2, "L^êy m^êu ó ph^on t^ých".

2. Tài liệu tham khảo

2.1. Tiêu chuẩn AASHTO:

- T 165, Xác định lượng tinh khiết của n^{ic} ở d^{nh} b^m của hện híp b^a t^{ng} nh^à ở C^m ch/ét
- T 218, L^êy m^êu v^{ai} t^{ai}
- T 219, Th^ý nghi^õm xác định thành phần hóa học v^u thành phần h^t của v^{ai}
- T 283, Xác định số lượng của b^a t^{ng} nh^à ở C^m ch/ét dⁱⁱ tinh khiết của ó ãm

2.2. Tiêu chuẩn ASTM:

- C 25, Ph^{ng} ph^p th^ý nghi^õm ph^on t^ých thành phần hóa học của v^{ai}, v^{ai} s^ong, v^{ai} t^{ai}

3. Các giới hạn về thành phần hóa học

3.1. Vⁱⁱ v^{ai} loại số I v^u II, khi l^êy m^êu v^u th^ý nghi^õm b^{ng} ph^{ng} ph^p nh^m t^l ò tr^on, v^{ai} phải cá c^c ch^o tiêu ở t^u y^u c^u dⁱⁱ óy (Xem B^{ng} 1 v^u 2).

Formatted: Header

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Font: (Default) Arial, Portuguese (Brazil)

Formatted: Justified

Formatted: Bullets and Numbering

Formatted: Bullets and Numbering

Formatted: Bullets and Numbering

Formatted: Bullets and Numbering

Formatted: Bullets and Numbering

Formatted: Font: Arial

Formatted: Right: 0"

Formatted: Font: Arial

Formatted: Font: Arial

Formatted: Centered, Position: Horizontal: Left, Relative to: Column, Vertical: In line, Relative to: Margin, Width: Auto, Wrap Around

Formatted: Font: Arial

Formatted: Font: Arial

Formatted: Border: Top: (No border)

Field Code Changed

Formatted: Check spelling and grammar

Formatted: Font: Arial

Field Code Changed

Formatted: Font: Arial

3.2. Với v_i loại sè II, khi th_Y nghiÖm theo Tiêu ch_Un ASTM C-25, v_i phải c_ac ch_Ø tiêu _Ut yêu c_Çu _Uc liÖt k_a trong B_¶ng 2.

Formatted: Right: 0"

Field Code Changed

Formatted: Font: Arial, 10 pt

Formatted: Right: 0"

Field Code Changed